

Vai trò của Dương Văn Minh trong cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm (1/11/1963)

- **Vũ Quý Tùng Anh**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Ngày 1/11/1963, được sự cho phép của người Mỹ, Dương Văn Minh đã tiến hành cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm, cuộc đảo chính đã chấm dứt chín năm cầm quyền của Diệm, nền Đệ nhất Cộng hòa hoàn toàn sụp đổ. Trong cuộc đảo chính này,

Dương Văn Minh giữ một vai trò quan trọng là người lập kế hoạch chi tiết tiến hành cuộc đảo chính, đối phó với những tướng tá thân cận của Diệm rồi sau đó từng bước cô lập Diệm.

Từ khóa: Dương Văn Minh, đảo chính 1/11/1963, Ngô Đình Diệm

Đặt vấn đề

Hiệp định Giơnevơ (1954) được ký kết đã kết thúc 9 năm kháng chiến thắng lợi của nhân dân Việt Nam, đó là sự kết thúc của một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc có tính chất điển hình, là sự thất bại của một đế quốc lớn, đế quốc Pháp, được một đế quốc giàu mạnh khác ủng hộ là đế quốc Mỹ. Nhưng với âm mưu bá chủ thế giới, Mỹ thực hiện chính sách can thiệp vào nội bộ của nhiều nước trên thế giới, xác lập vai trò và buộc các nước này phụ thuộc vào Mỹ. Ở các nước, khu vực mà phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao như Á-Phi-Mỹ Latinh, Mỹ thực thi chính sách thực dân mới, dựng chính quyền tay sai khoác áo “quốc gia”, “dân tộc” nhằm lừa bịp dư luận thế giới và chĩa mũi nhọn vào phe xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam Việt Nam Mỹ đã dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, thành bộ máy tay sai điển hình, nhưng người Mỹ cũng không thể duy trì được chính thể này.

Năm 1963, trước nguy cơ phá sản của chủ nghĩa thực dân mới, Mỹ phải giật dây cho những tướng tá Sài Gòn, đứng đầu là Dương Văn Minh làm đảo chính (1-11-1963) lật đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm để xây dựng một thiết chế mới nhằm cứu vãn cuộc chiến tranh xâm lược. Vậy Dương Văn Minh là ai? Ông có vai trò như thế nào trong cuộc đảo chính? Bài viết sẽ nêu đôi điều về những vấn đề này.

1. Vài nét về Dương Văn Minh

Dương Văn Minh sinh ngày 8/11/1916 tại Mỹ Tho (Định Tường), vợ là bà Trần Thị Lang, có ba con, hai trai và một con gái. Dương Văn Minh xuất thân từ một gia đình giàu có, có quan hệ mật thiết với đế quốc và phong kiến.

Dương Văn Minh gia nhập quân đội Pháp năm 1940, bị Nhật cầm tù năm 1945, sau trở lại với quân đội Pháp và thăng tiến dần trong chiến

tranh, đã tốt nghiệp các khoá đào tạo: Chuẩn úy – Trường hạ sỹ quan tại Thủ Dầu Một, Trường đào tạo cán bộ Paris 1952-1953 (lớp 14), Trường ban quân sự-văn phòng Thủ tướng năm 1951, Tham mưu trưởng khu vực quân sự số 1 năm 1952.

Năm 1954, khi con đường thăng tiến đang lên cao thì gặp phải đình chiến, là một người có tham vọng nên Dương Văn Minh chuyển sang Quân đội Cộng hòa và được chính quyền của Ngô Đình Diệm hết sức trọng dụng luôn giao cho giữ những chức vụ cao trong quân đội Sài Gòn, cụ thể từ năm 1954 đến năm 1963 nắm giữ các chức vụ: Chỉ huy phòng tuyến Sài Gòn-Chợ lớn năm 1954; Chỉ huy chiến dịch Hoàng Diệu năm 1954; Chỉ huy chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1955; Chỉ huy chiến dịch Thoại Ngọc Hầu năm 1956 và được thăng làm Thiếu tướng 8/2/1956; Chỉ huy liên tuyến 1-5 và tại thủ đô năm 1957; Chỉ huy quân khu Sài Gòn năm 1958; Thanh tra của binh đoàn công binh 1 và 2 năm 1960; Chỉ huy Bộ tư lệnh các chiến dịch của lực lượng vũ trang năm 1961; Cố vấn quân sự cho Tổng thống năm 1963.

Dương Văn Minh giành được nhiều huân huy chương dưới thời Diệm “*Huân chương hiệp sỹ quốc gia 10/4/1954; Sĩ quan cấp quốc gia 9/5/1954, chỉ huy cấp quốc gia Việt Nam 15/10/1955*” [4;16] và tham dự các lớp tập huấn ở nước ngoài do Mỹ tổ chức như “*Diễn tập hỗ trợ trên không tại Okinawa 12/7/1957; Úc từ 1 đến 9/9/1957; Diễn tập SEATO (tổ chức hiệp ước Đông-nam Á) tại Thái Lan năm 1962*” [4;16].

Có thể nói dưới thời Ngô Đình Diệm, Dương Văn Minh đã có được những thành quả nhất định, với một quá khứ thăng tiến liên tục mà bất kỳ một nhân vật nào trong thời kỳ "Đệ nhất Cộng hòa" cũng muốn đạt được. Ông là người miền Nam duy nhất, từ những ngày đầu của chế độ gia đình họ Ngô. Ông đã trung thành phụng sự cho chính phủ này với việc sa thải những chỉ huy bất

trung với Ngô Đình Diệm và tìm nhân sự thay thế. Mặc dù ông được Ngô Đình Diệm đề bạt lên cấp tướng vì đã có thành tích đáng khen trong việc diệt trừ một số bè phái tôn giáo, nhưng sau một thời gian, ông dần thấy bất mãn với những chính sách của chính quyền gia đình họ Ngô trong cách quản lý và những biện pháp được sử dụng trong chiến tranh.

Nhận thấy một mối đe dọa tiềm ẩn và lo sợ ảnh hưởng của Dương Văn Minh trong quân đội, gia đình họ Ngô đã tiến hành giám sát an ninh ông một cách gắt gao và đưa ông về làm Cố vấn quân sự cho Tổng thống năm 1963, đây là một vị trí hữu danh vô thực. Nhưng rồi sự giám sát này cũng không đủ chặt để có thể ngăn cản ông lãnh đạo cuộc đảo chính chống lại chính quyền họ Ngô “*tên tuổi tướng Dương Văn Minh bị lu mờ trên chính trường Sài Gòn. Đó cũng chính là thời kỳ ý thức chống đối chính quyền Ngô Đình Diệm dần dần hình thành trong tư tưởng của ông ta*” [1; 38]. Cùng thời gian này, thông qua hệ thống tình báo bí mật của ta “*Ban Binh vận Trung ương cục Miền Nam đã đặt vấn đề vận động Dương Văn Minh lật đổ Ngô Đình Diệm, ông đã đồng ý và hứa sẽ làm đảo chính khi Mỹ cho phép*” [13; 213].

2. Dương Văn Minh – Sự lựa chọn của Mỹ trong việc lật đổ Ngô Đình Diệm

Mỹ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm làm công cụ thực hiện âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự, làm bàn đạp tiến công ra Bắc, chia cắt lâu dài Việt Nam, đồng thời ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản tràn xuống Đông Nam châu Á. Như vậy, mục tiêu đầu tiên mà Mỹ hướng tới đó chính là tạo ra một chế độ tay sai đủ mạnh, đủ sức tiêu diệt phong trào yêu nước và cách mạng ở miền Nam Việt Nam. Để cho chính quyền Diệm tồn tại, Mỹ đã không tiếc tiền của, cố vấn quân sự đổ

vào miền Nam Việt Nam. Trong giai đoạn 1954-1960, Mỹ đã viện trợ cho chính quyền ấy khoảng 2 tỷ đô la, trung bình mỗi năm là 300 triệu đô la và tuyên bố rằng “cần phải biến miền Nam Việt Nam thành một phòng trưng bày của các chương trình viện trợ nước ngoài, một nơi mà dân chúng và các nước khác có thể xem tận mắt, toàn bộ hiệu quả của những nỗ lực Mỹ giúp các dân tộc khác tự phát triển” [18;108]. Số viện trợ của Mỹ đủ nuôi một bộ máy chính quyền phản động tay sai để đàn áp các cuộc đấu tranh hòa bình yêu nước của nhân dân miền Nam, chuẩn bị “lấp sông Bến Hải”. Với chiêu bài độc lập, tự do cùng với viện trợ tương đối dồi dào, Mỹ che đậy bộ mặt xâm lược thực dân mới của mình, giữ cho chế độ Sài Gòn trong những năm 1957 đến đầu năm 1959 bề ngoài có vẻ ổn định, nhưng thực chất bên trong chứa đựng đầy rẫy những bất ổn.

Song song với viện trợ về kinh tế, Mỹ ưu tiên xây dựng cho chính quyền Diệm một quân đội mạnh để đủ sức đàn áp nhân dân và phong trào cách mạng. Từ năm 1960 đến năm 1963, Mỹ đã xây dựng cho chính quyền Sài Gòn một quân đội hoàn chỉnh bao gồm các quân binh chủng: “Lục quân, từ 136.000 quân (1960) tăng lên 196.357 quân (1963); Không quân, từ 4.600 quân (1960) tăng lên 5.817 (1963); Hải quân, từ 4.300 quân (1963) tăng lên 6595 (1963); Thủy quân lục chiến, từ 2000 quân (1960) tăng lên 5.218 quân (1963); Bảo an, từ 49.000 quân (1960) tăng lên 75.909 quân (1963); Dân vệ, từ 48.000 quân (1960) tăng lên 95.828 quân (1963)” [18; 180].

Ngoài ra, Mỹ còn đưa thêm lực lượng của mình vào Nam Việt Nam để tăng chất lượng cho quân của chính quyền Sài Gòn mà lâu nay đã sa sút nghiêm trọng. “Quân Mỹ từ 900 người vào cuối năm 1960, đã tăng lên 3.200 quân vào cuối năm 1961, sau đó tiếp tục tăng lên 11.300 cuối năm 1962 rồi 16.733 năm 1963. Số lính Mỹ này

không chỉ làm công việc cố vấn cho quân đội Sài Gòn mà còn được giao nhiệm vụ “yểm trợ chiến đấu” và trong nhiều trường hợp trực tiếp tham gia tham chiến. Mỹ còn lập nhiều sắc lính mới, ngày 11/5/1973, Kennedy đưa sang Việt Nam 400 lực lượng đặc biệt Mỹ (chuyên chống các cuộc nổi dậy) để thành lập lực lượng đặc biệt của Ngô Đình Diệm. Năm 1963, lực lượng đặc biệt này có 12.000 quân đóng đồn dọc theo biên giới phía Tây của miền Nam Việt Nam, thường xuyên tổ chức các cuộc thám sát, phục kích” [18; 181]. Âm mưu của Mỹ trong việc viện trợ kinh tế, quân sự với hy vọng sẽ hoàn tất chương trình bình định miền Nam trong một vài năm rồi chuyển sang thực hiện kế hoạch khai thác, kinh doanh. Nhưng ý đồ đó của Mỹ không thể thực hiện được bởi trong những năm 1959-1960, với sự cai trị độc ác, tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm, phong trào Đồng Khởi của nhân dân ngày càng lên cao, đánh sập bộ máy cai trị của Mỹ-Diệm ở nhiều vùng nông thôn, đồng bằng và rừng núi. Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, nhằm che đậy bộ mặt thật của chế độ Việt Nam Cộng hòa, Mỹ ngày càng thúc bách Diệm tiến hành “cải cách dân chủ”. Để cảnh cáo và răn đe Diệm, Mỹ đã giật dây cho Nguyễn Chánh Thi làm cuộc đảo chính vào ngày 11/11/1960. Tuy nhiên, sự cảnh tỉnh này của Mỹ dường như phản tác dụng “Diệm lo củng cố quyền lực bằng những biện pháp độc tài, nhất là bỏ tự do báo chí và ngôn luận để tiêu diệt đối lập” [7; 10] và hơn thế nữa “Ngô Đình Diệm ngày càng bắt lực không thể kìm hãm được sự tiến bộ của cộng sản tại Nam phần. Du kích lan tràn về miền Bắc và miền Tây Nam phần và tình hình ở thôn quê ngày càng bị hư hỏng, nguy hại” [7; 11].

Từ sau cuộc đảo chính vào ngày 11/11/1960 mâu thuẫn giữa Mỹ và Diệm vốn tồn tại từ khi chính thể Cộng hòa ra đời, nay thực sự bùng nổ. Tuy nhiên, khi Kennedy lên cầm quyền ở Mỹ,

ông ta tin rằng bằng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” với kế hoạch chống nổi dậy, miền Nam Việt Nam sẽ trở lại thời kỳ ổn định nên sự căng thẳng của Mỹ-Diệm tạm lắng xuống. Nhưng đến năm 1962, mọi cố gắng của Mỹ-Diệm vẫn không ngăn được sự phát triển ngày càng nhanh của lực lượng cách mạng, không hãm được đà xuống dốc của Việt Nam Cộng hòa, chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam đứng trước nguy cơ thất bại. Trên chiến trường, quân đội Việt Nam Cộng hòa thay đổi về chiến thuật song vẫn không đánh bại được lực lượng cách mạng miền Nam. Kế hoạch bình định của Staley đứng trước nguy cơ phá sản, càng nhiều “áp chiến lược” mọc lên, phong trào đấu tranh của nhân dân càng dâng cao, lan rộng. Trước tình hình trên đã hình thành trong chính giới Mỹ những khuynh hướng ngược chiều nhau trong giải quyết vấn đề ở miền Nam Việt Nam. Khuynh hướng thứ nhất, tiếp tục sử dụng Diệm nhưng buộc ông ta phải cải tổ thực sự ở miền Nam Việt Nam, đưa vợ chồng Nhu ra khỏi Việt Nam. Bảo vệ cho khuynh hướng này có đại sứ Mỹ ở Sài Gòn là Nolting, đại tá Cơ quan Tình báo Trung ương Hoa Kỳ (CIA – Central Intelligence Agency) Richardson. Khuynh hướng thứ hai là loại bỏ Ngô Đình Diệm và tìm ra một “con bài” khác thay thế.

Trong khi chính quyền Mỹ còn đang phân vân giữa hai khuynh hướng thì phong trào của học sinh, sinh viên ngày càng nở rộ, cùng với đó là phong trào Phật giáo ở miền Nam nổ ra. Để ổn định tình hình, Ngô Đình Diệm đã tiến hành bắt giam, tra tấn, thậm chí thủ tiêu những người tham gia hoạt động trong các phong trào này. Dư luận trong nước, dư luận thế giới, đặc biệt là dư luận Mỹ bùng nổ phản ứng gay gắt. Tuy nhiên những phản ứng đó đều bị Ngô Đình Diệm bỏ ngoài tai, đêm 20 rạng ngày 21/8/1963 Ngô Đình Nhu đã cho lực lượng của mình thanh tảo các chùa chiền ở miền Nam Việt Nam, đưa tới sự căm phẫn chế

độ lên tới tột cùng. Chính những hành động này của chính quyền Diệm đã làm cho Mỹ quyết định thay thế Diệm nhanh hơn, buộc Cabot Lodge phải gửi điện về Nhà Trắng và báo cáo “*Diệm không còn thời gian để đáp ứng các yêu cầu..., xin phép được gặp các tướng lĩnh Sài Gòn để thông báo cho họ rằng người Mỹ sẵn sàng chấp nhận chính quyền Diệm không có Nhu*” [2; 243]. Vậy tức là Mỹ đi đến một giải pháp loại bỏ vai trò của vợ chồng Nhu, thiết lập một chế độ có Diệm mà không có Nhu, với Diệm là một “Bảo Đại” của Việt Nam Cộng hòa. Tuy nhiên, Ngô Đình Diệm đã phản đối giải pháp này của Mỹ “*Tại sao Tổng thống Kennedy có anh em trong chính phủ Hoa Kỳ lại đặt vấn đề không muốn em tôi làm cố vấn? Tôi không muốn cho ai chia rẽ anh em tôi dù là hảo ý của Tổng thống Mỹ*” [10; 98]. Chính vì thế, Mỹ thấy cần phải nhanh chóng “khuyến khích” các tướng làm đảo chính lật đổ chính phủ của Diệm.

Vấn đề đặt ra ai sẽ là người cầm đầu cuộc đảo chính? Sau một quá trình tìm hiểu tướng tá trong đội quân hùng hậu của chính quyền Sài Gòn người Mỹ đã chọn Dương Văn Minh, bởi con người này được xem là “*quân nhân của quân nhân và còn là một lực sĩ toàn vẹn, có biệt tài về quân vợt, đá banh, bơi lội và bơi thuyền*” [15; 558]. Dưới con mắt của người Mỹ “*Big Minh có tiếng là một quân nhân nhà nghề tận tụy*” [15; 558], mặc dù Mỹ không ưa ông “*và có thể Minh thiếu tài chánh trị để làm nhà lãnh đạo mà xír sở ông đang cần*” [15; 558], nhưng ông có nhiều yếu tố quan trọng, buộc Nhà Trắng phải dùng “*Ông được cảm tình của các đồng đội, trong sạch, ngay thẳng, không thân cộng. Ông lại được dân chúng mến, dư luận nói chung tin tưởng trung tướng là người có thể lãnh đạo một cuộc đảo chính*” [15; 558]. Quan trọng hơn, Dương Văn Minh là một người có “tham vọng” có “uy tín” trong cơ cấu quân đội và chính quyền tay sai

ở Sài Gòn, có lợi cho việc lật đổ Ngô Đình Diệm theo ý đồ của Mỹ.

3. Cuộc đảo chính ngày 1/11/1963

Sau khi được Mỹ bật đèn xanh, Dương Văn Minh bắt đầu thu phục các nhân vật có tiếng trong quân đội chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Đầu năm 1963, trung tướng Trần Văn Đôn¹ được bổ nhiệm chức Tổng Tham mưu trưởng liên quân thay cho Lê Văn Ty, cùng với Trần Thiện Khiêm – Tham mưu trưởng liên quân, tướng Đôn nhận hợp tác với Dương Văn Minh, là Tổng Tham mưu trưởng liên quân, Đôn cũng là một thứ tướng không quân như Dương Văn Minh. Hai người đã bàn bạc và thấy cần lôi kéo một viên tướng có quân trong tay đó là Tôn Thất Đính.

Theo Dương Văn Minh, Tướng Tôn Thất Đính là miếng mồi ngon cho những mưu đồ lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Lôi cuốn được tướng Tôn Thất Đính cuộc đảo chính coi như dễ dàng đến 2/3 đoạn đường và nếu như có Tôn Thất Đính trong tay thì “*chuyến vận quân trong Thủ đô được dễ dàng qua mắt mật vụ và Tổng thống Diệm*” [14; 12]. Tôn Thất Đính² là tướng từ thời

Pháp, là người có công về giải cứu Ngô Đình Diệm trong cuộc đảo chính ngày 11/11/1960. Vào năm 1963, Đính là Tư lệnh quân đoàn 3, Tư lệnh vùng 3 chiến thuật. Trong cuộc đàn áp Phật giáo, Đính được kiêm chức Đô trưởng Sài Gòn, được giao trực tiếp chỉ huy cuộc tiến công Phật giáo đêm 20 rạng ngày 21 tháng 8. Khác với Dương Văn Minh và Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính giành được lòng tin trọn vẹn của cả Diệm và nhất là Nhu. Nhưng Tôn Thất Đính có yếu điểm là nóng nảy và đầy tự ái nên Dương Văn Minh đã lợi dụng yếu điểm này để kéo Đính về phía quân đảo chính “*Họ hết lời ca ngợi Đính gọi ông là người hùng của lịch sử*” và “*khuyến Đính đi gặp Diệm để yêu cầu trao cho chức Bộ trưởng nội vụ*” [14; 555]. Khi Đính gặp Diệm, “*Diệm đã từ chối đề nghị của Đính, đúng như dự đoán của các tướng lĩnh âm mưu. Bị mất thể diện, nghe các tướng bàn nói khích, Đính đòi từ chức và đi Đà Lạt mấy hôm. Thời gian này các tướng lĩnh đã tìm đủ mọi cách để thuyết phục Đính ngả về phía họ*” [15; 555]. Công việc thu phục Tôn Thất Đính được giao cho Đỗ Mậu “*Tôi đến nhà Đính vào khoảng gần nửa đêm khi Đính còn đọc sách trên giường. Với người có vẻ võ biền như Đính, tôi phải có thái độ quyết liệt, nên tôi bắt chước Vương Tư Đồ trong chuyện Tam Quốc lập mưu khích tướng Lã Bố diệt trừ gian thần董卓 Trác ngày xưa. Cho nên sau khi chào hỏi xong, tôi sụp xuống lạy Đính hai lạy, Đính hốt hoảng đỡ tôi dậy hỏi: “Anh làm gì kỳ cục vậy anh Mậu?”. Lúc bấy giờ tôi mới trình bày thể nước lòng dân cho Đính nghe...*” [19; 598]. Kết quả của khổ nhục kế này đã mang đến tin vui cho Đỗ Mậu và những người cầm đầu đảo chính: “*Đính ôm chầm lấy tôi, hứa với tôi sẽ cương quyết đập tan chế độ Diệm*” [19; 599]. Tôn Thất Đính đã căn câu, những người cầm đầu đảo chính tin tưởng rằng “*đã nhìn thấy được ánh sáng đặc trưng ở cuối đường hầm trong cuộc đấu trí với Ngô Đình*

¹ Trần Văn Đôn, sinh ngày 18/ 8/1917, là sinh viên trường trung cấp thương mại l’Ecole des Hautes, Paris (1939); tốt nghiệp trường Saint Maixent (1939-1940); Học trường huấn luyện sĩ quan tại Tong (1944-1945); tốt nghiệp trường Cao đẳng sĩ quan ở Pháp (1950-1951); Tốt nghiệp trường Fort Bliss, Hoa Kỳ (1959); từng đảm nhiệm một số chức vụ sau: Giám đốc của Cục an ninh quân sự (1951-1953); Tham mưu Trưởng lực lượng vũ trang Việt Nam (1953-1957); Chỉ huy Quân đoàn 1 kiêm chỉ huy khu vực quân sự số 1 (1957-1962); Chỉ huy bộ binh (1963); Chỉ huy của Bộ tổng tham mưu của lực lượng vũ trang Việt Nam Cộng hòa (1963).

² Tôn Thất Đính, sinh năm 1926, tại Huế. tốt nghiệp lớp 1 trường Quân sự-Vũ trang năm 1949 và trở thành chỉ huy trưởng trẻ tuổi nhất trong lực lượng vũ trang của Việt Nam Cộng hòa năm 1958. Tham gia một số khóa học đặc biệt tại một số trường quân sự trong và ngoài nước: trường Calvary và Armored tại Saumur, Pháp; lớp sĩ quan tham mưu, Hà Nội; lớp sĩ quan chỉ huy các nhóm di động, Hà Nội; lớp chỉ huy, Sài Gòn; trường cao đẳng chỉ huy và sĩ quan Hoa Kỳ.; khóa học tập trung các binh chủng và phối hợp chiến lược, Okinawa, khóa học tấn công đặc biệt.

Nhu” [19; 599]. Sau khi thu phục được Tôn Thất Đình, Dương Văn Minh tiếp tục lôi kéo những nhân vật khác vào cuộc như Trần Thiện Khiêm – người từng chỉ huy sư đoàn 7 về Sài Gòn cứu Diệm năm 1960, Mai Hữu Xuân – Trung tâm huấn luyện Quang Trung, Nguyễn Khánh – Tư lệnh quân đoàn 2 và vùng II chiến thuật, người từng đưa quân vào dinh Tổng thống cứu Diệm năm 1960, Đỗ Cao Trí – Tư lệnh quân đoàn 1 và vùng I chiến thuật... Nhóm đảo chính còn thuyết phục và lôi kéo các tổ chức quan trọng như: lực lượng của nhóm Trần Kim Tuyến và Phạm Ngọc Thảo, Chỉ huy trưởng Liên đoàn vận tải Nguyễn Cao Kỳ, Tư lệnh sư đoàn 5 đóng tại Biên Hòa Nguyễn Văn Thiệu...

Đối với những nhân vật trung thành tuyệt đối với Diệm trong Sài Gòn, Dương Văn Minh và Trần Văn Đôn đã có những cách giải quyết khác nhau. Một mặt cho bắt bớ giam cầm, mặt khác cho thủ tiêu ngay tại chỗ “*Vì không tán thành đảo chính nên ngay giây phút đầu tiên, Trần Văn Tu, Giám đốc cảnh sát đô thành và Cao Văn Viên - Tư lệnh đoàn dù bị mời ra khỏi phòng họp. Đại tá Lê Quang Tung người được anh em Diệm-Nhu tin cậy bậc nhất đang giữ trọng trách mạng lưới an ninh mật vụ và quân phòng vệ Phủ Tổng thống bị bắt. Tung không chịu đầu hàng nên bị giết ngay*” [9; 40]. Như vậy là, trước khi đảo chính diễn ra, các tướng lĩnh cầm đầu phe đảo chính đã từng bước cô lập những người thân cận, gán bó với Tổng thống Diệm.

Ngày giờ được Dương Văn Minh và Trần Văn Đôn chọn làm đảo chính là 1/11/1963 vào lúc 1h30. Sở dĩ những người cầm đầu đảo chính chọn ngày giờ như vậy vì ba lý do như sau: “*Thứ 1, Diệm không bao giờ rời Sài Gòn đi đâu vào ngày thứ sáu; thứ 2, Chiều thứ sáu hàng tuần, Nhu luôn có mặt để họp về áp chiến lược; thứ 3, Ngày 1/11 là ngày Lễ các thánh, công sở nghỉ việc, Tổng thống Diệm đón tiếp đô đốc Harry*

Felt (Tư lệnh Mỹ ở Thái Bình Dương). 13h30 là thích hợp để Harry Felt rời khỏi Sài Gòn và trước khi Nhu đi dự cuộc họp đã định” [2; 256].

Đúng như kế hoạch đã vạch ra, trưa ngày 1/11/1963, theo lệnh của Dương Văn Minh và Trần Văn Đôn với danh nghĩa là Tư lệnh bộ chỉ huy quân sự và Tham mưu trưởng liên quân, quân đội đảo chính tràn ra chiếm đóng Tổng nha Cảnh sát quốc gia, Cảnh sát đô thành, sở Truyền tin, bộ Nội vụ, Đài Phát thanh. Sau này Lodge đã kể lại rằng, vào lúc 13h30 khi đang ăn trưa ở đại sứ quán thì “*Tiếng súng máy thật kinh khủng, nổ vang như là bắn ngay ở phòng bên cạnh. Máy bay rú trên đầu*” [12; 37]. Cũng theo Lodge, thời gian 1h30 mà các tướng lĩnh mà cầm đầu cuộc đảo chính là Dương Văn Minh chọn “*thật là hoàn hảo vì tất cả các cuộc đảo chính khắp thế giới đều nổ ra ban đêm. Cuộc đảo chính này làm vào ban ngày sẽ làm nhiều người bất ngờ, đặc biệt là Phủ Tổng thống. Ở đây ban đêm lính gác, ban ngày thì ngủ*” [12; 37].

15h ngày 1/11/1963, trước đông đủ các tướng lĩnh có mặt ở Bộ Tổng tham mưu, Dương Văn Minh nhân danh Hội đồng Quân nhân cách mạng đưa ra quyết định hủy bỏ Hiến pháp ban hành ngày 26 tháng 10 năm 1956 và giải tán Quốc hội “*Điều 1, Tạm ngưng áp dụng Hiến pháp ban hành ngày 26 tháng 10 năm 1956; điều 2, Giải tán Quốc hội lập pháp bầu lên do cuộc phổ thông đầu phiếu ngày 27 tháng 9 năm 1963*” [4; 4]. Và quyết định truất quyền Tổng thống Ngô Đình Diệm, bãi bỏ chính quyền Ngô Đình Diệm: “*điều 1, Truất phế ông Ngô Đình Diệm và bãi bỏ chế độ Tổng thống; điều 2, Giải tán Chính phủ do Ngô Đình Diệm lãnh đạo; điều 3, Quyền hành pháp mà chính chính phủ nắm giữ nay tạm thời do Hội đồng quân nhân cách mạng đảm đương*” [4; 3], ngoài ra Dương Văn Minh còn kêu gọi Diệm-Nhu đầu hàng vô điều kiện và cho biết phe đảo chính sẵn sàng để Diệm-Nhu ra

nước ngoài. Nhưng với Diệm, một người “*cứng rắn quá mức như ông, cùng với lòng tự ái quá cao và lòng tự tôn, ông đã coi các tướng lĩnh chỉ thuộc hạng võ biền*” [17; 449] thì việc khước từ đầu hàng là chuyện dễ hiểu “*Diệm đã mời các viên tướng đến dinh để bàn luận. Họ từ chối vì hiểu rằng đây là một chiến thuật mà Diệm sử dụng để kéo dài thêm thời gian, nhằm chờ các lực lượng trung thành kéo về Sài Gòn như trong một lần đảo chính trước đây*” [6; 140]. Thấy Diệm không chịu đầu hàng, những người cầm đầu đảo chính tuyên bố sẽ san bằng Dinh Gia Long, lời tuyên bố ấy loảng vào trong tiếng súng và “*Dinh Gia Long bỏ phòng chống lại bất cứ giá nào*” [14; 19].

Khoảng 16h30 ngày 1/11/1963, Diệm trực tiếp gọi điện cho Đại sứ Lodge cầu viện giúp đỡ, nhưng rồi Diệm càng thấy đơn độc hơn “*Bây giờ tôi lo lắng cho tính mạng của ngài: Tôi nhận được báo cáo nói rằng những người cầm đầu cuộc đảo chính hiện nay cho phép anh em ngài ra nước ngoài an toàn nếu ngài từ chức*” [2; 259]. Về sự kiện này, Lodge kể lại như sau “*Tôi nghe Tổng thống Diệm nói rằng cuộc đảo chính bắt đầu và ông muốn biết tôi làm gì? Tôi trả lời thật sự rõ ràng là tôi không nhận được chỉ thị. Bây giờ là 4h sáng ở Washinhton và tôi không thể liên lạc được với bên ấy. Ông ta bảo dù vậy chắc chắn ngài cũng phải biết rõ chính sách. Tôi nói là không biết được chính sách cho tất cả mọi trường hợp. Tôi nói lo ngại cho sự an toàn của Tổng thống nên đã sắp xếp đưa ông ra nước ngoài. Nếu Tổng thống không thích như vậy, thì tôi đã sắp xếp để Tổng thống có thể ở lại đây trên cương vị đứng đầu nhà nước. Ông nói ông không muốn làm như vậy. Ông muốn lập lại trật tự. Ông đã bỏ máy xuống*” [12; 37-38]. Cũng trong thời gian này các lực lượng đảo chính nã súng cối vào dinh, nhưng quân phòng vệ Phủ Tổng thống chống cự nên bên tấn công không vào được. Sau

khi biết không thể cứu vãn được tình hình vào đêm 1/11/1963 anh em Diệm-Nhu đã trốn đến nhà Mã Tuyên và sau đó đến nhà thờ Cha Tam. Khi đến nhà thờ Cha Tam, Diệm sai Đỗ Thọ (cháu của Đỗ Mậu) gọi điện về cho Hội đồng Quân nhân cách mạng. Sau khi nhận được nơi trú ngụ của Diệm-Nhu quân đảo chính bắt đầu bàn định cách đối xử với ông Diệm, nên giết hay cho đi xuất ngoại, điều này đã được Đỗ Mậu kể lại như sau “*Việc tha chết hay giết ông Diệm là hành động lịch sử, vậy muốn tha chết hay giết ông ta phải lấy quyết định tối hậu qua một cuộc bỏ phiếu kín, phải ghi biên bản đàng hoàng*” [19; 612], nhưng không ai tán thành ý kiến này của Đỗ Mậu, ông bực tức và nói “*Nếu không ai đồng ý tôi tuyên bố không dính líu đến việc này, các anh phải chịu trách nhiệm trước lịch sử*” [19; 612]. Sau đó tướng Dương Văn Minh ra lệnh cho tướng Mai Hữu Xuân, Đại tá Dương Ngọc Lâm, Thiếu Tá Dương Hiếu Nghĩa và Đại úy Nguyễn Văn Nhung đi đón hai ông Diệm-Nhu ở nhà thờ Cha Tam. Trên đường đưa về Bộ Tổng tham mưu, những người có mặt trên xe đã giết chết Diệm-Nhu, trong Hồi ký của Đỗ Thọ có ghi lại như sau: “*Họ đẩy mạnh ông Nhu xuống thềm nhà thờ. Tổng thống Ngô Đình Diệm, tôi và cha Jean đi theo sau. Trong khi đó, trục máy của chiếc M113 buông thả cửa xe. Lĩnh đảo chính áp dụng cứng rắn đẩy ông Nhu lên xe, ông Nhu cự nự quay lại nửa người và đưa Tổng thống Diệm lên trước. Tôi chạy đến đưa chiếc cặp da, chiếc ba toong cho Tổng thống. Nhưng tên đại úy Nhung đã giật những món hàng này. Đồng thời, họ không cho tôi được phép đến gần Tổng thống nữa. Tôi đứng lại nhìn cửa sau chiếc M113 đóng lại. Tôi không thể ngờ đó là nơi an nghỉ cuối cùng của Tổng thống Diệm trong quan tài bọc sắt*” [17; 453].

Sau này khi bàn về cái chết của Diệm-Nhu có người đã đưa ra nguyên nhân từ nội dung cuộc

điện đàm Diệm đã chọc tức Dương Văn Minh, Diệm đã xóa đi những gì còn lại là khoan dung trong tình cảm của người cầm đầu cuộc đảo chính, điều đó đã được Đỗ Mậu viết lại như sau: “Vào khoảng 10 giờ đêm ông Diệm từ nhà Mã Tuyên gọi điện về thì được tướng Minh trả lời. Lúc này ông Diệm đã hết giọng uy quyền, ông bằng lòng ra đi nhưng với một điều kiện là tiễn đưa theo nghi lễ quân cách. Tướng Minh lợi dụng cơ hội đó lên án nặng nề chế độ của Diệm... có lẽ vì tướng Minh đã dùng những lời lẽ nặng nề nên ông Diệm tức giận trách móc tướng Minh và có lẽ thế mà sáng mùng 2, tướng Minh đã thay đổi thái độ không còn khoan dung với ông Diệm nữa” [11; 610]. Nhưng có lẽ điều này chỉ đúng một phần, ví nếu như Diệm vẫn còn sống? Điều đó sẽ là trở ngại lớn cho Hội đồng quân nhân cách mạng, “các tướng lĩnh biết rõ rằng không một tài năng nào, không một phẩm chất đạo đức nào, không một sự ủng hộ chính trị nào có thể giúp họ ngăn cản sự trở về đầy kịch tính của Tổng thống và ông Nhu nếu họ còn sống” [11; 95]. Đứng trước Ngô Tổng Thống liệu Tôn Thất Đính, Trần Thiện Khiêm, Đỗ Mậu... có còn nhuệ khí chống đối không? Và bài học về cuộc đảo chính 11/11/ 1960 hãn các tướng lĩnh đang còn nhớ, chính vì vậy những người cầm đầu đảo chính đã không có sự lựa chọn nào khác là phải “nhỏ cỏ thì phải nhỏ tận gốc” đó là giết chết Diệm-Nhu. Về cái chết của Diệm và Nhu, Trần Văn Đôn khẳng định như sau: “Tôi có thể nói một cách thẳng thắn rằng ông Minh Lớn không muốn để các ông ấy sống” [12; 38].

Trong thực chất, Mỹ cần thấy phải “khuyến khích” cho cuộc đảo chính lật đổ cho chế độ Diệm với mục tiêu là loại trừ Ngô Đình Nhu và đặt Diệm vào sự đã rồi mà chấp nhận những giải pháp do Mỹ đề ra, nhưng cái chết của Diệm đã làm cho kế hoạch chuyển đổi mô hình nhà nước tay sai thực dân mới ở miền Nam Việt Nam của

Mỹ bị phá sản, mọi tính toán của những người cầm đầu Nhà trắng đều bị đảo lộn và thất bại ngay khi còn trên giấy “*chúng ta đang đứng trước một khoảng trống về chính trị ở Nam Việt Nam và không có cơ sở để tiếp tục bất cứ một tiến trình nào thích hợp với các mục tiêu của Mỹ*” [11; 96]. Điều đó đã giải thích vì sao Kennedy tỏ ra bàng hoàng khi nghe tin Diệm chết “ông đã tái người đi một cách thực sự, tôi chưa bao giờ thấy ông xúc động như vậy” [11; 95], còn Đại sứ Lodge tỏ ra hối tiếc rằng “Tôi chỉ ân hận một điều là không cứu sống được ông Ngô Đình Diệm” [10; 39]. Khi nhận xét về cuộc đảo chính 1/11/1963 và cái chết của Diệm, cựu Phó Tổng thống Mỹ Nich - son nói: “Trong những năm qua, triển vọng của chúng ta ở miền Nam đã đi từ mức tương đối xấu tới mức tệ không tả nổi. Các bạn đồng minh ở châu Á đang mất tin tưởng ở chúng ta. Vụ giết tổng thống Diệm hồi tháng 11 năm ngoái trong cuộc đảo chính được Mỹ khuyến khích, đã có ảnh hưởng tai hại tới thanh danh của Mỹ ở toàn bộ châu Á. Vụ ấy là một trong những điểm đen tối nhất trong lịch sử ngoại giao của Mỹ” [3; 1254].

Trưa ngày 2/11/1963, đài phát thanh Sài Gòn loan tin Dinh Gia Long đã bị cách mạng chiếm đóng, hai anh em Diệm-Nhu tự sát. Tiếng súng êm dần, nhân dân tiếp tục ra đường để ủng hộ quân đội. Đến đây cuộc đảo chính mà đứng đầu là Dương Văn Minh đã đạt được mục đích của mình, chế độ độc tài Ngô Đình Diệm đã hoàn toàn sụp đổ.

4. Kết luận

Cuộc đảo chính ngày 1/11/1963 của Dương Văn Minh đã chấm dứt chín năm cầm quyền của Diệm, nên Đệ nhất Cộng hòa hoàn toàn sụp đổ. Tất cả những người bị tù đầy vì chống đối Diệm đều được trả tự do. Một số người cầm đầu cơ quan mật vụ kinh tài của Diệm bị tịch thu tài sản.

Những tổ chức chính trị của Diệm Nhu bị giải tán. Một số tỉnh trưởng, tỉnh phó, quận trưởng, quận phó hoặc bị bắt hoặc bị chuyển. Do vậy, cuộc đảo chính đã tạm thời giải quyết được mâu thuẫn trực diện trong nội bộ chính quyền trung ương ở Sài Gòn và mâu thuẫn giữa chính quyền với phong trào quần chúng ở miền Nam do những chính sách độc tài gia đình trị của Diệm gây nên. Trả lời tờ báo Pháp Le Figaro vì sao Diệm thất bại, ông Minh cho rằng *“Diệm thất bại vì ông đã làm cho dân chúng chống lại ông. Người dân mệt mỏi với những phiền nhiễu của cảnh sát, với sự giám sát thường trực của chính quyền và việc bị bắt ép về cả tinh thần lẫn thể xác đưa vào khuôn khổ quân đội. Tất cả những điều đó đều không thể tha thứ được. Cần phải để người dân Việt Nam được yên”* [5; 115]. Kết thúc cuộc đảo chính có 33 người chết và 235 người bị thương.

Trong cuộc đảo chính này, Dương Văn Minh giữ một vai trò quan trọng là người lập kế hoạch chi tiết tiến hành cuộc đảo chính, đối phó với những tướng tá thân cận của Diệm rồi sau đó từng bước cô lập Diệm. Việc các tướng tá chính quyền Sài Gòn đứng về phía quân đảo chính cho thấy rằng ảnh hưởng của Dương Văn Minh rất lớn trong chính quyền Sài Gòn.

Vào ngày 6/11/1963, Dương Văn Minh đã đọc diễn văn phát biểu trước đông đảo quần chúng *“Cuộc cách mạng của toàn dân thành công trong vinh quang, đã chấm dứt, bắt lực. Đứng trước sự thối nát của Chính phủ Ngô Đình Diệm, quân đội đã nhận thức được sự cần thiết phải giải thoát đồng bào để tiến tới một chế độ dân chủ thực sự nên quân đội dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quân nhân cách mạng đã cương quyết vùng lên. Vì sự tồn vong của tổ quốc, quân đội đã làm cách mạng và nhận thấy trách nhiệm nặng nề với quốc dân và lịch sử. Cuộc cách mạng sẽ dĩ thành công không phải do Quân đội*

mà phần lớn do sự đồng tâm nhất trí của toàn thể quân dân trong nước”[4; 9]. Ông cũng tuyên bố thành lập chính phủ mới do Nguyễn Ngọc Thơ làm Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ kinh tế và Tài chính. Chính phủ này sẽ thực hiện những chính sách do Hội đồng quân nhân cách mạng thiết lập, trong đó đứng đầu Hội đồng quân nhân cách mạng là Dương Văn Minh, hai phó chủ tịch là Trần Văn Đôn và Tôn Thất Đính, chín ủy viên gồm Trần Văn Minh, Đỗ Mậu, Phạm Xuân Chiểu, Trần Thiện Khiêm, Lê Văn Kim, Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Hữu Cồ, Lê Văn Nghiêm, Mai Hữu Xuân.

Sau đảo chính được khoảng 3 tháng thì tình hình bất ổn chính trị đã bao trùm trong nội bộ chính quyền Sài Gòn. Những người đối nghịch với Dương Văn Minh đã tố cáo ông là thân Pháp, chủ trương đưa miền Nam vào con đường trung lập và dù là người có công lật đổ Ngô Đình Diệm, giải thoát tăng ni Phật tử thì quyền lực của ông không duy trì được lâu dài. Ngày 30/1/1964, ông đã bị “những cậu bé”³ mà đứng đầu tướng Nguyễn Khánh “chinh lý”. Đây là ý đồ của người Mỹ bởi họ cho rằng Dương Văn Minh *“không chịu hợp tác với Mỹ, không chịu thân Mỹ”* [16; 29] và là *“sự trả giá cho quan điểm không chấp nhận quân đội Mỹ can thiệp trong cuộc chiến tranh cục bộ cũng như không chấp nhận việc Mỹ đánh phá miền Bắc”* [16; 29]. Do uy tín của ông Minh đang còn quá lớn trong giới quân đội nên các chính quyền kế tiếp vẫn sử dụng Dương Văn Minh giữ chức Quốc trưởng, thực chất cũng chỉ là chức ngồi chơi xơi nước. Ngày 20/12/1964, sau khi được thăng cấp Đại tướng, ông Minh phải lên đường lưu vong với tước vị “Đại sứ lưu động”. Sau thời gian làm đại sứ lưu động ở Thái

³ Khi trả lời nhà báo Pháp Max Clos, Dương Văn Minh cho rằng Ngô Đình Diệm “không có đội ngũ cấp dưới để áp dụng những ý tưởng của mình trên mảnh đất này. Ông ta chỉ có trong tay những cậu bé”.

Lan, năm 1968 ông Minh đã được Trần Văn Hương cho phép về nước. Trở lại Nam Việt Nam, ông Minh có mục tiêu làm Tổng thống chế độ Sài Gòn. Đến ngày 28/4/1975, Dương Văn Minh đã thực hiện được mục tiêu chính trị cao nhất dưới chế độ Sài Gòn. Nhưng rồi, con đường chính trị này của ông chỉ kéo dài ba ngày. Vào ngày 30/4/1975, trước khí thế hùng hục chiến thắng và bước đi “thần tốc” của quân cách mạng vào lúc hơn 9 giờ, Dương Văn Minh đã tuyên bố trên đài phát thanh “*Đường lối chủ trương của chúng tôi là hòa giải và hòa hợp dân tộc để cứu sinh mạng đồng bào. Tôi tin tưởng sâu sa vào sự hòa giải của người Việt Nam để khỏi thiệt hại xương máu của người Việt Nam. Vì lẽ đó tôi yêu cầu tất cả anh em chiến sĩ Việt Nam Cộng hòa hãy bình tĩnh, không nổ súng và ở đâu thì ở đó. Chúng tôi yêu cầu anh em chiến sĩ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ngưng nổ súng. Chúng tôi ở đây chờ gặp Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam để cùng nhau thảo luận để bàn giao chính quyền trong một trật tự, tránh đổ máu vô ích của đồng bào*” [16; 28]. Đến 11h30, Dương Văn Minh đã xưng danh Tổng thống chế độ tay sai xin đầu hàng quân giải phóng “*Tôi, Đại tướng Dương Văn Minh, Tổng thống chính quyền Sài Gòn, kêu gọi Quân lực Việt Nam Cộng hòa hạ vũ khí, đầu hàng không điều kiện quân giải phóng Miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương trao lại cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời Việt Nam*” [16; 28].

Cuộc đảo chính ngày 1/11/1963 đã mở đầu một thời kỳ khủng hoảng triền miên của chế độ chính trị ở Sài Gòn, góp phần vào việc phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Cuộc đảo chính ngày 1/11/1963 của Dương Văn Minh và tướng tá chính quyền Sài Gòn đã đánh dấu một bước thất bại căn bản của toàn bộ chính sách xâm lược

thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Trong thực tế, Mỹ mớic nổi với tướng lĩnh chính quyền Sài Gòn làm cuộc đảo chính nhưng vẫn mong muốn sẽ giữ được Diệm, nhưng cái chết của Diệm đã làm cho những mưu đồ của Mỹ thất bại ngay khi còn trên giấy.

Từ cuộc đảo chính 1/11/1963 của Dương Văn Minh lật đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm đến ngày 14/6/1965, trong một năm rưỡi, chính quyền Sài Gòn rơi vào khủng hoảng trầm trọng với 8 lần⁴ thay đổi nhân sự và có ít nhất 2 cuộc đảo chính không thành của Dương Văn Đức-Lâm Văn Phát ngày 13/9/1964 và của Lâm Văn Phát-Phạm Ngọc Thảo ngày 19/2/1965. Dù rằng chính quyền này hay chính quyền khác thay thế nhau được dựng lên ở miền Nam Việt Nam nhưng đều nằm trong quỹ đạo “nghiện viện trợ” và chịu sự chi phối của Mỹ.

⁴ **Lần thứ nhất:** Ngày 1/11/1963, lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, đưa Dương Văn Minh và Nguyễn Ngọc Thơ lên nắm quyền; **Lần thứ 2:** Ngày 30/1/1964, lật đổ chính phủ Nguyễn Ngọc Thơ tướng Nguyễn Khánh lên làm Thủ tướng; **Lần thứ 3:** Ngày 16/8/1964, Nguyễn Khánh ban hành “Hiến chương Vũng tàu” loại bỏ Dương Văn Minh để y vừa làm Quốc trưởng vừa làm Thủ tướng; **Lần thứ 4:** Ngày 26/8/1964, “Hiến chương Vũng tàu” bị thu hồi, “Tam đầu chế” Minh-Khánh-Khiêm ra đời; **Lần thứ 5:** Với sự xuất hiện của chính quyền dân sự Phan Khắc Sửu làm Quốc trưởng - Trần Văn Hương làm Thủ tướng; **Lần thứ 6:** ngày 27/1/1965, Trần Văn Hương bị gạt khỏi ghế Thủ tướng, Nguyễn Xuân Oánh tạm thời giữ chức; **Lần thứ 7:** Ngày 16/2/1965, Phan Huy Quát làm Thủ tướng; **Lần thứ 8:** Ngày 14/ 6/ 1965, chính quyền dân sự bị lật đổ và một lần nữa chính quyền rơi vào tay bọn quân phiệt với Nguyễn Văn Thiệu làm Quốc trưởng và Nguyễn Cao Kỳ làm Thủ tướng.

The role of Duong Van Minh in the coup d'etat to overthrow Ngo Dinh Diem's government (November 1st, 1963)

• **Vu Quy Tung Anh**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

On November 1st, 1963, under the permissions from the American, Duong Van Minh deployed an overthrow campaign against Ngo Dinh Diem government. The overthrow put an end to Diem's nine-year rulership, leading to the complete collapse of

the First Republic. In the overthrow conspiracy, Duong Van Minh played the pivotal role in mapping out a deliberate plan in order to cope with Diem's faithful inferiors, then step by step isolating Diem.

Key words: Duong Van Minh, coup d'etat 1/11/1963, Ngo Dinh Diem

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Trọng Trung, *Những ngày cuối cùng của viên Tổng thống cuối cùng*, Tạp chí Lịch sử Quân sự số 232, 2011, tr. 38.
- [2]. Trần Trọng Trung, *Một cuộc chiến tranh sáu đời Tổng thống*, Tập 2, Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 1987.
- [3]. *Tổng tập Trần Văn Giàu*, Nxb. Công an nhân dân, 2006.
- [4]. Tập bản tin, báo cắt các báo trong, ngoài nước về cuộc đảo chính ngày 1/11/1963, Tập 7: Tình hình Việt Nam từ ngày 1/11 đến ngày 31/12/1963, Policy of military Revolutionary Council and the Provisional Government of the Republic of Viet Nam, Ministry of Information, SaiGon, 1963. Thông Phủ Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 3050, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [5]. *Tập bản tin báo cắt các hãng thông tấn nước ngoài về tình hình Việt Nam năm 1963*. Thông phủ thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 3042, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II.
- [6]. Pitor A. Pulơ, *Nước Mỹ và Đông Dương từ Ru - đơ - ven đến Ních son*, Nxb. Thông tin lý luận, 1986.
- [7]. *Nha thông tin báo chí, Dự luận báo chí ngoại đối với biến cố ngày 11/11/1960*, Thông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, Hồ sơ 3635, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

- [8]. Nguyễn Trần Thiết, Dương Văn Minh - Tổng thống cuối cùng của chính quyền Sài Gòn, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2010.
- [9]. Nguyễn Trần Thiết, *Viên chuẩn tướng*, Nxb. Công an nhân dân, 1989.
- [10]. [10]. Nguyễn Phương Nam, *Bầy điều hau gầy cánh*, Nxb Lao Động, 2005.
- [11]. Mc. Namara, Nhìn lại quá khứ tấn thảm kịch và bài học về Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, 1995.
- [12]. Maiconmaclia, Cuộc chiến tranh mười nghìn ngày, Nxb. Sự Thật, 1990.
- [13]. Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, *Phần thứ 2 Nam Bộ kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*, Bản photo, 1995.
- [14]. Lê Tử Hùng, *Những bí mật cách mạng 1/1/1963*, Nxb. Đồng Nai, 1971.
- [15]. Hoàng Trọng Miên, *Đệ nhất phu nhân*, Tập 2, Nxb. Cửu Long, 1988.
- [16]. Hà Minh Hồng, *Máy suy nghĩ về hành động đúng thời điểm lịch sử*, Bản tin Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, số 113, 2009.
- [17]. *Giải mã hồ sơ mật*, Nxb. Lao động, 2010.
- [18]. George C.Herring (Phạm Ngọc Thạch dịch), 2004.
- [19]. Đỗ Mậu, *Tâm sự tướng lưu vong*, Nxb. Công an Nhân dân, 1985.